

NGUYỄN ÁI QUỐC RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC MỘT QUYẾT ĐỊNH LỊCH SỬ VÀ TÂM NHÌN THỜI ĐẠI

PGS, TS VŨ QUANG HIỂN

Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Sự kiện Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911) không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên, mà là một quyết định lịch sử, khởi đầu từ ý tưởng “làm quen với nền văn minh Pháp” xuất hiện từ thuở thiếu thời, khi được nghe các vị tiền bối luận bàn về phương thức cứu nước, cứu dân; được thôi thúc bởi thực tiễn phong trào yêu nước của nhân dân và sự đàn áp khốc liệt của thực dân Pháp. Sự kiện đó thể hiện thiên tài trí tuệ và nhãn quan chính trị sắc bén của Nguyễn Ái Quốc trước những thử thách khắc nghiệt của vận nước và sự biến chuyển của thời đại. Đó là quyết định mang tính nhân văn sâu sắc, nhằm vươn tới một chân trời mới, đưa đất nước hội nhập vào trào lưu tiến hóa của nhân loại, giải phóng triệt để con người khỏi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

Từ khóa: Nguyễn Ái Quốc; quyết định lịch sử; tầm nhìn thời đại; ra đi tìm đường cứu nước

1. Phải tìm một con đường cứu nước mới - yêu cầu bức thiết của lịch sử dân tộc đầu thế kỷ XX

Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn, bất khuất, anh dũng chống ngoại xâm, tự lực tự cường, quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù xâm lược. “Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹.

Trong trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước, con người trên dải đất Việt Nam không

chỉ phải vật lộn với thiên nhiên, xây dựng và bảo vệ cuộc sống, mà còn phải tiến hành nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giành và giữ nền độc lập, và thường phải đương đầu với những thế lực lớn mạnh nhất đến từ nhiều châu lục khác nhau trên thế giới. Những thử thách khắc nghiệt đó đã “sản sinh ra một dân tộc có ý thức sâu sắc về bản sắc dân tộc mình và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, chống ngoại xâm”². Những thế hệ anh hùng Việt Nam, tuy sinh ra trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng đều tiếp nối nhau bảo vệ nền độc lập và

phát triển đất nước, cùng nhân dân tô đậm tinh thần yêu nước, đấu tranh bất khuất của dân tộc. “Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v.. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”³.

Dân tộc Việt Nam đã tạo nên những giá trị tinh thần truyền thống, trong đó chủ nghĩa yêu nước là giá trị cao nhất, là dòng chủ lưu xuyên suốt, không ngừng được củng cố và phát triển qua những thử thách khắc nghiệt, trở thành một chuẩn mực của đạo lý làm người. Đó là một trong những giá trị trường tồn, làm nên bản lĩnh và bản sắc văn hóa Việt Nam.

Với truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam bắt đầu ngay từ khi thực dân Pháp đổ quân lên bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng (1858), phát triển liên tục theo những khuynh hướng chính trị khác nhau.

Khi triều đình nhà Nguyễn còn chống giặc, thì nhân dân cùng quân đội triều đình đánh giặc. Sau gần 30 năm, thực dân Pháp buộc triều đình nhà Nguyễn phải ký các Hiệp ước Harmand (1883) và Patenôtre (1884), áp đặt ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Sự áp bức dân tộc càng nặng nề thì phản ứng vì sự tồn vong của dân tộc càng mạnh mẽ, gay gắt về tính chất, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức.

Cuối thế kỷ XIX, mặc dù triều đình đầu hàng và ngăn cản nhân dân đánh giặc, nhưng phong trào chống xâm lược vẫn diễn ra sôi nổi dưới sự chi phối của ý thức hệ phong kiến, tiêu biểu là phong trào *Cần Vương* (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang, do Hàm Nghi

và Tôn Thất Thuyết phát động. Mở đầu phong trào là cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh Kinh thành Huế (1885) do Tôn Thất Thuyết chỉ huy. Việc không thành, ông đưa Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị), hạ chiếu *Cần Vương*. Mặc dù sau đó Hàm Nghi bị bắt, nhưng phong trào *Cần Vương* vẫn phát triển, nhất là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: *Ba Đình* của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881-1887), *Bãi Sậy* của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892) và *Hương Khê* của Phan Đình Phùng (1885-1895). Cùng thời gian này còn nổ ra cuộc khởi nghĩa vũ trang của nông dân *Yên Thế* do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài đến năm 1913, nhưng rốt cuộc cũng bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Thất bại của phong trào vũ trang kháng Pháp cuối thế kỷ XIX chứng tỏ sự bất lực của ý thức hệ phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc do lịch sử đặt ra.

Đầu thế kỷ XX, khi tư sản Việt Nam mới chỉ là một tầng lớp rất nhỏ bé, hệ tư tưởng tư sản từ bên ngoài dội vào Việt Nam và được các trí thức Nho học tiếp thu làm vũ khí chống Pháp, dấy lên một phong trào yêu nước sôi nổi với hai xu hướng bạo động và cải cách.

Đại diện xu hướng bạo động là Phan Bội Châu. Ông chủ trương cầu viện, dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến. Ông lập ra Hội Duy tân (1904) và tổ chức phong trào Đông Du (1907-1908), nhưng ông và du học sinh Việt Nam bị chính quyền Nhật câu kết với nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương trục xuất về nước. Phan Bội Châu đến Xiêm. Giữa lúc đó cuộc Cách mạng Tân Hợi bùng nổ và thắng lợi (1911), Phan Bội Châu đi Trung Quốc, lập ra Việt Nam Quang phục hội (1912)

với ý định tập hợp lực lượng rồi kéo quân về nước võ trang bạo động đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, nhưng rồi cũng không thành công. Về sau, ông nghiêm khắc nhận thấy “trăm thất bại mà không một chút thành công” là vì “trong nước không có một kinh doanh tổ chức gì, chỉ chủ trương thế lực bên ngoài, trăm nghìn việc đều nương dựa vào người khác thì từ xưa đến nay, từ Đông đến Tây, không bao giờ có một đảng cách mạng ăn nhờ như thế”. Ông kết luận, “như thế mới biết không có lực lượng bên trong mà chỉ y lại vào người ngoài thì thật là khó”; “y lại vào người thì không thể thành công được”²⁴.

Đại diện xu hướng cải cách là Phan Châu Trinh. Ông chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, dùng những cải cách văn hóa, chính trị, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam. Theo xu hướng này, ở Bắc Kỳ có việc mở trường học mới, giảng dạy và học tập theo những nội dung và phương pháp mới, tiêu biểu là phong trào Đông kinh nghĩa thực ở Hà Nội. Ở Trung kỳ có cuộc vận động Duy Tân, hô hào thay đổi phong tục, nếp sống, kết hợp với phong trào đấu tranh chống thuế (1908).

Do những hạn chế về lịch sử, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng đúng để giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc, nên chỉ sau một thời gian phát triển bùng nổ, các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đều bị thực dân Pháp dập tắt.

Nguyễn Ái Quốc sinh ra và lớn lên khi đất nước đã bị biến thành thuộc địa của đế quốc Pháp, nhân dân phải chịu cuộc sống lầm than.

Người được chứng kiến và tìm hiểu nhiều phong trào yêu nước và nhận thấy, mặc dù diễn ra liên tục và anh dũng, “người trước ngã, người sau đứng dậy”, nhưng các phong trào đó rốt cuộc đều bị thực dân Pháp dập tắt.

Những phong trào yêu nước theo các khuynh hướng chính trị phong kiến hoặc tư sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa phong kiến hoặc chủ nghĩa tư bản đều không thành công. Sự nghiệp cứu nước lâm vào một “tình hình đen tối tưởng như không có đường ra”. Yêu cầu khách quan của lịch sử lúc đó là phải tìm một con đường cứu nước mới.

Thiên tài trí tuệ và nhãn quan chính trị sắc bén giúp Nguyễn Tất Thành nhận thấy, trong các phong trào cứu nước của các vị tiền bối đều có những hạn chế. Phong trào Đông Du tan rã, chứng tỏ không thể dựa vào Nhật để đánh Pháp, điều đó chẳng khác gì “đuôi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”. Thất bại của phong trào Duy Tân cũng cho thấy việc trông chờ vào thiện chí của người Pháp để được trao trả nền độc lập cũng chẳng khác gì “xin giặc rù lòng thương”. Khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám tuy có phần thực tế hơn, “nhưng vẫn mang nặng cốt cách phong kiến”. Chính vì thế, mặc dù rất khâm phục tinh thần cứu nước của các vị tiền bối, nhưng Nguyễn Tất Thành không theo con đường của họ.

Đất nước mất độc lập. Nhân dân mất tự do. Độc lập tự do là khát vọng cháy bỏng của mọi người dân Việt Nam, thôi thúc nhiều người ra đi tìm đường cứu nước, trong đó có Nguyễn Tất Thành.

2. Tấm lòng yêu nước, thương dân - động lực của quyết định ra đi tìm đường cứu nước

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho giàu lòng yêu nước, Nguyễn Tất Thành

sớm chịu ảnh hưởng của gia đình và truyền thống văn hóa của quê hương xứ Nghệ, có sự am hiểu về Nho giáo. “Không giáo không phải là tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử. Và trên cơ sở đó, người ta đưa ra khái niệm về “thế giới đại đồng”⁵. Trong Nho giáo có những yếu tố tích cực⁶. Hồ Chí Minh từng nhắc lại lời của Mạnh Tử: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, và cho rằng: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân... Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”⁷.

Khi còn nhỏ, Nguyễn Sinh Cung theo cha vào sống ở kinh thành Huế trong thời gian hơn 5 năm (1895-1900), thấy ở đó có những lớp người khác nhau, những người Pháp da trắng ngông nghênh và tàn ác; những quan lại người Việt áo mũ chinh tề, bề vệ, nhưng khúm núm và rụt rè, còn phần đông người lao động đau khổ và tủi nhục, những người nông dân quần áo rách rưới mà người Pháp gọi là bọn “nhà quê”, những phu khuân vác, cu ly kéo xe tay, trẻ em nghèo lang thang đường phố. Hình ảnh tương phản giữa quan cai trị của “mẫu quốc” với quan lại bản xứ, giữa những kẻ thống trị với người bị trị in đậm trong ký ức Nguyễn Sinh Cung.

Được theo phụ thân đi nhiều nơi gặp những người cùng chí hướng để bàn luận về thời cuộc, Nguyễn Tất Thành có điều kiện mở rộng tầm nhìn, tầm suy nghĩ, thấy rõ sự thống khổ của

nhân dân, nên “sớm có chí đuổi thực dân Pháp giải phóng đồng bào” và không khỏi băn khoăn khi thấy nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân không thành công. Làm thế nào để cứu nước là câu hỏi sớm được đặt ra trong tâm trí người thiếu niên yêu nước Nguyễn Tất Thành.

Năm học 1908-1909, Nguyễn Tất Thành vào Trường Quốc học Huế. Ngày 4-12-1908, Nguyễn Tất Thành tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên. Họ đi tay không, chỉ đòi giảm thuế. Để tỏ tình đoàn kết nhất trí, họ đều cắt tóc ngắn và gọi nhau là “đồng bào”. Vì những hoạt động yêu nước, Nguyễn Tất Thành bị người Pháp để ý theo dõi. Ông Nguyễn Sinh Sắc cũng bị chính quyền thuộc địa khiển trách vì để con trai có những hoạt động bài Pháp. Đây là lúc Tân thư của Trung Quốc lưu hành ở nhiều nơi. Những tư tưởng cải cách của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu thức

Mục đích chuyến đi của Nguyễn Tất Thành không phải để cầu viện hoặc kiếm kế sinh nhai, mà chủ yếu là để tìm hiểu thế giới bên ngoài, nhất là thế giới phương Tây, đến nước Pháp với hy vọng “xem họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào chúng ta”. Đó không phải là một cuộc hành trình phẳng lặng, mà là một con đường đầy gian truân đang chờ sẵn.

tỉnh những sĩ phu yêu nước. Nguyễn Tất Thành được học với những người thầy tận học như Lê Văn Mến, thường giành thời gian nói chuyện với học trò về nền dân chủ và văn minh phương Tây, kích thích lòng ham hiểu biết của học sinh.

Nguyễn Tất Thành thấy rõ ở Việt Nam, nhân dân “bị nhấn chìm trong bóng đêm hết sức tối tăm”, “không ai hiểu bây giờ trên thế giới đang diễn ra những gì; đêm tối, thực sự là đêm tối”. Người Pháp ở Đông Dương không cho người Việt Nam xem sách báo. “Không phải chỉ sách của những nhà văn mới, mà cả Rútô và Môngtexkiơ cũng bị cấm. Thân phận

người Annam chỉ là thân phận người nông nô”. Họ không có tự do đi lại, “... không phải chỉ là bị cấm đi du lịch ra nước ngoài mà cả đi trong nước cũng không được”⁸.

Giữa năm 1909, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Bình Khê (Bình Định), được đi thăm các sĩ phu và các di tích lịch sử vùng Tây Sơn, nơi phát tích của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ. Tháng 6-1910, tại Quy Nhơn, Nguyễn Tất Thành học thêm tiếng Pháp với thầy Phạm Ngọc Thọ ở trường Pháp - Việt Quy Nhơn theo chương trình lớp cao đẳng (cours supérieur). Trong khi người cha phải trở về Huế, Nguyễn Tất Thành tiếp tục đi xuống phía Nam, tới Phan Thiết (8-1910) làm trợ giáo môn thể dục, đồng thời phụ trách các hoạt động ngoại khóa ở trường Dục Thanh. Dù là công việc tạm thời, nhưng Nguyễn Tất Thành đã đem hết nhiệt huyết truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những suy nghĩ về vận mệnh của đất nước.

Bằng sự mẫn cảm vốn có, lần đầu tiên khi rời Phan Thiết vào Sài Gòn (2-1911), Nguyễn Tất Thành nhận thấy rõ thêm sự đối lập giữa hai cảnh sống của những kẻ thực dân cướp nước và những người lao động mất nước: cuộc sống ăn chơi xa hoa dành riêng cho người Pháp, và cuộc sống rách rưới, lam lũ, làm đủ các nghề nặng nhọc, kéo xe, bốc vác..., sống chui rúc trong những túp nhà lụp xụp, tối tăm của đa số người dân Việt Nam.

Được chứng kiến những thất bại của các phong trào yêu nước chống Pháp, từ lòng yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc, năm 1911 Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước. Trước khi đi, Nguyễn Tất Thành bàn với một người bạn thân: “Tôi muốn đi ra ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về

giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?”. Khi người bạn hỏi “lấy đâu ra tiền mà đi?”, Nguyễn Tất Thành vừa nói, vừa giơ hai bàn tay một cách tự tin và kiên quyết: “Đây, tiền đây... chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi”⁹.

3. Hướng ra thế giới bên ngoài, Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước - tư duy văn hóa mở và tầm nhìn thời đại

Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa phương Đông, nhưng ở Nguyễn Tất Thành không có sự chối bỏ, hay mâu thuẫn với văn hóa phương Tây. Với tư duy văn hóa mở, Nguyễn Tất Thành cảm nhận được sự phong phú của các nền văn hóa, hướng tới một thế giới năng động và sáng tạo.

Ở tuổi thiếu thời, khi mới bắt gặp văn hóa phương Tây, Nguyễn Tất Thành nảy sinh ý tưởng đi tới những nơi có khoa học kỹ thuật phát triển và những tư tưởng dân chủ tự do. Tháng 9-1905, Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Tất Đạt được ông Nguyễn Sinh Huy xin cho theo học lớp dự bị (préparatoire) Trường tiểu học Pháp - bản xứ ở Vinh. Tại trường này, lần đầu tiên Nguyễn Tất Thành được tiếp xúc với khẩu hiệu TỰ DO - BÌNH ĐẲNG - BÁC ÁI. Sau này (năm 1923), Nguyễn Ái Quốc kể lại: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy”¹⁰.

Trong mấy tháng làm thầy giáo ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết (1910), lần đầu tiên Nguyễn Tất Thành được đọc Tân thư (chữ

Hán) trong gia đình cụ Nguyễn Thông, tiếp cận với các thuyết nhân quyền, dân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái do những triết gia và văn hào Pháp khởi xướng như J.J. Rousseau, Ch. De Montesquieu, Fr. Voltaire...

Khi đó, đối với Nguyễn Tất Thành, những chữ “Tự do, Bình Đẳng, Bác ái” của cách mạng Pháp thật mới mẻ. Nhưng khi đó, Nguyễn Tất Thành chưa hiểu được, nên muốn tới nước Pháp để xem thực tiễn về những từ ngữ đó ra sao? Nguyễn Ái Quốc kể lại: “Trước đây tôi có đọc một số tờ báo phát hành sang nước tôi, một vài tờ có tính chống đối ở An Nam, có những người lính lê dương do Poăngcarê (*Poincaré*) gửi sang để cải huấn. Những người lính lê dương này đọc đủ thứ, Họ là những kẻ chống đối về bản chất. Họ cho tôi đọc các báo Pháp. Vì thế tôi nảy ra ý muốn sang xem “mẫu quốc” ra sao và tôi đã tới Pari”¹¹.

Mặc dù thực dân Pháp tìm mọi cách ngăn cấm những tư tưởng tiến bộ vào Việt Nam, nhưng những người yêu nước Việt Nam đã vượt qua lưới thép của kẻ thù để hướng tới một ánh sáng mới. Do ảnh hưởng của những thầy giáo tân học và sự tiếp xúc với báo chí tiến bộ, ý tưởng đi sang phương Tây để tìm hiểu tình hình các nước và học hỏi thành tựu văn minh nhân loại từng bước lớn lên trong tâm trí Nguyễn Tất Thành.

Trong bối cảnh đất nước đầu thế kỷ XX, Nguyễn Tất Thành đi ra với thế giới bên ngoài thể hiện sự mong muốn tiếp thu giá trị văn hóa nhân loại, là bước khởi động để đưa Việt Nam hội nhập vào các trào lưu tiến bộ của thời đại. Đối với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, văn hóa không phải là cái nhất thành bất biến, mà hình thành và phát triển trong những điều kiện khác nhau của lịch sử dân tộc. Văn hóa Việt Nam mang bản chất một

nền văn hóa mở, tiếp biến trong sự giao lưu văn hóa với các dân tộc khác.

Sự tích lũy và kết hợp những tinh hoa văn hóa dân tộc và thời đại, văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây là cơ sở để sau này Nguyễn Ái Quốc tiếp thu tư tưởng vô sản, rồi phát triển và làm thăng hoa những giá trị đó trong điều kiện xã hội Việt Nam thuộc địa, hình thành nên học thuyết Hồ Chí Minh về giải phóng và phát triển dân tộc.

Một lần trả lời nhà văn Mỹ Anna Luyxotorông, Nguyễn Ái Quốc nói: “Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”¹².

Ngày 3-6-1911, Nguyễn Tất Thành với tên gọi Văn Ba được một thủy thủ dẫn lên tàu Đô đốc Latútso Torêvin (Amiral Latouche Tréville), một con tàu lớn của hãng Sácgiơ Rêuy-ni (Charge Réuni), vừa chở khách, vừa chở hàng, gặp thuyền trưởng Maixen (Maisen) và được nhận làm phụ bếp trên tàu. Chuyến đi được xác định.

Mục đích chuyến đi của Nguyễn Tất Thành không phải để cầu viện hoặc kiếm cách sinh nhai, mà chủ yếu là để tìm hiểu thế giới bên ngoài, nhất là thế giới phương Tây, với hy vọng “xem họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào chúng ta”. Đó không phải là một cuộc hành trình phẳng lặng, mà là một con đường đầy gian truân đang chờ sẵn.

Với một trí tuệ văn hóa mở và tầm nhìn thời đại, người thanh niên yêu nước, thương dân, với hoài bão lớn lao tìm hiểu nền văn minh thế giới, học hỏi để trở về giúp đồng bào thoát

khởi cảnh gông cùm nô lệ. Đúng như nhà báo Liên Xô Ô.Mandenxtam từng nhận xét: “... Nguyễn Ái Quốc đã tóa ra một thứ văn hóa, không phải là văn hóa Âu châu, mà có lẽ một nền văn hóa tương lai”¹³.

Ngày 5-6-1911, con tàu Amiral Latouche Tréville nhỏ neo, rời bến cảng Sài Gòn đi Marseille. Với hành trang là chủ nghĩa yêu nước, cuộc hành trình đi tìm chân lý của Nguyễn Ái Quốc bắt đầu. Đó là chuyến đi một mình, không theo một tổ chức nào, cũng không có nguồn tài trợ của bất cứ ai. Từ đây, Nguyễn Ái Quốc vượt qua các đại dương đầy sóng gió, tự lao động để kiếm sống, đến với nhân loại cần lao đang tranh đấu ở nhiều châu lục và quốc gia trên thế giới, ở cả phương Đông và phương Tây, cả các nước tư bản và thuộc địa.

Một thời kỳ mới trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc - thời kỳ khảo nghiệm và tìm kiếm chân lý cứu nước bắt đầu.

Trong khoảng một thập kỷ hoạt động tìm đường cứu nước (1911-1920), nhất là ở ba nước tư bản phát triển (Pháp, Anh, Mỹ), ở đâu Nguyễn Ái Quốc cũng kết hợp tìm hiểu lý luận với khảo sát thực tiễn, rút ra nhiều kết luận quan trọng về chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, về bạn và thù của nhân dân Việt Nam trên thế giới, về tính chất của những cuộc cách mạng tư sản ở Mỹ, Pháp và Cách mạng Tháng Mười Nga, về tinh thần độc lập tự chủ của dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh tự giải phóng..., để rồi từ chủ nghĩa yêu nước Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Lênin, khẳng định con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản, mở đường để giải quyết tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước đầu thế kỷ XX.

Bản lĩnh Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, ngay từ quá trình tìm đường cứu nước, đã

khởi đầu hướng đi cho dân tộc Việt Nam tới một chân trời mới, mà Ô. Mandenxtam cảm nhận “... như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”¹⁴.

1, 3. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 7, tr. 38, 38

2. W.J. Duiker: *Ho Chi Minh a life*, Hyperion, New York, America, 2000, tr. 11

4. Phan Bội Châu: *Niên biểu*, Nxb Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1957, tr. 139, 146 và 164

5, 8, 13, 14. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 461, 461, 462, 463

6. Nho giáo chủ trương “lấy dân làm gốc”, “phò đời giúp nước”, hành đạo giúp đời, coi “quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”, đề cao tinh thần phục vụ nhân dân, coi quan lại là công bộc của dân, nước bình trị là công của dân, còn nước không bình trị là lỗi của vua, chỉ mình vua bị trừng phạt. Xem Khổng Tử: *Thượng thư* (tức Kinh Thư), Bản dịch của Nguỵ Tông: *Mục Bản Canh thượng*, Nxb Văn học, H, 2001, tr. 82

7. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 10, tr. 453

9, 12. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí tịch*, Nxb CTQG và Nxb Trẻ, H, 2005, tr. 13-14, 25-26

10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*: “Lời kể với nhà văn Liên Xô Ôlíp Mandenxtam vào năm 1923”, Nxb CTQG, H, 2000, T. 1, tr. 477

11. *Hồ Chí Minh Toàn tập*: “Lời Nguyễn Ái Quốc trả lời phỏng vấn của phóng viên Giôvanmi Giécmanétô (báo L'UNITÀ của Đảng Cộng sản Italia)”, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 465).